

ĐỀ THI TRẮC NGHIỆM KHỐI 5
TUẦN 23

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1) $3\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{cm}^3$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 30 B. 300 C. 3000 D. 30 000

2) $0,7\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{cm}^3$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 70 B. 700 C. 7000 D. 70 000

3) $4,05\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{cm}^3$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 0,405 B. 40,5 C. 405 D. 4050

4) $15,3\text{m}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 153 B. 1 530 C. 15 300 D. 150 300

5) $0,35\text{m}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 35 B. 350 C. 3 500 D. 3,5

6) $35\text{cm}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 0,35 B. 350 C. 3 500 D. 3,5

7) $2\text{m}^3 23\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 2 023 B. 203 C. 2,23 D. 2 023

8) $79\text{dm}^3 5\text{cm}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 79,05 B. 79,005 C. 79,5 D. 7,95

9) $9\text{m}^3 67\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{m}^3$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 967 B. 9,76 C. 9,067 D. 97,6

10) Thể tích của một hình hộp chữ nhật có chiều dài 7cm, chiều rộng 5cm và chiều cao 6cm là:

- A. 210 cm^3 B. 35 cm^3 C. 30 cm^3 D. 42 cm^3

11) Thể tích của một hình hộp chữ nhật có chiều dài 3,4dm, chiều rộng 2,5dm và chiều cao 1,2dm là:

- A. $8,5\text{dm}^3$ B. 3dm^3 C. $10,2\text{dm}^3$ D. $1,02\text{dm}^3$

12) Thể tích của một hình hộp chữ nhật có chiều dài 12dm, chiều rộng 7dm và chiều cao bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài là:

- A. 168dm^3 B. 294dm^3 C. 504dm^3 D. $1\,008\text{dm}^3$

13) Một hình hộp chữ nhật có thể tích 240cm^3 , chiều dài 8cm, chiều rộng 5cm. Chiều cao của hình hộp chữ nhật là:

- A. 3 cm B. 4 cm C. 5 cm D. 6 cm

14) Một hình hộp chữ nhật có thể tích 450cm^3 , chiều dài 15cm, chiều cao 5cm. Chiều rộng của hình hộp chữ nhật là:

- A. 6cm^2 B. 6 cm C. 6 dm D. 0,6 dm

15) Thể tích của một bục gỗ hình lập phương có cạnh 5dm là:

- A. 125cm^2 B. 125 dm C. 125dm^2 D. 125dm^3

16) Thể tích của một hình lập phương có cạnh 2,5dm là:

- A. $6,25\text{dm}^3$ B. $15,625\text{dm}^2$ C. $15,625\text{dm}^3$ D. $15,625\text{dm}$

17) Một khối gỗ hình lập phương có thể tích 125dm^3 , biết 1dm^3 gỗ có cân nặng 1,8kg. Khối gỗ đó có cân nặng là:

- A. 6225kg B. 225dm^3 C. 225dm^2 D. 225dm

18) Giá trị của biểu thức $18,6 - 6,72 : 3,2$ là:

- A. 16,5 B. 3,7125 C. 1,65 D. 37,125

19) Giá trị của biểu thức $(1 - 0,6) \times (1 - 0,05)$ là:

- A. 0,2 B. 0,34 C. 0,38 D. 1,68

20) Tìm X, biết $15 : X = 0,85 + 0,35$

- A. $X = 12,5$ B. $X = 1,25$ C. $X = 125$ D. $X = 0,125$

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	B	D	C	B	A	A	B	C	A	C	C	D	D	D	C	A	A	C	A

